TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ -TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **54**/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 10 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim D**, sinh năm 1992. Trú tại: K39/87 Võ Văn K, tổ 18, phường PM, Quận S, thành phố Đà Nẵng.

* *Bị đơn:* ông **Nguyễn Duy P,** sinh năm 1989. Trú tại: K39/87 Võ Văn K, tổ 18, phường PM, Quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Trần Thị Kim D; sinh năm 1992 và ông Nguyễn Duy P; sinh năm 1989. Cùng trú tại: K39/87 Võ Văn K, tổ 18, phường PM, Quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim D và ông Nguyễn Duy P thống nhất tự thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 25.10.2012 của UBND phường PM, Quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2.2.Về con chung: Bà Trần Thị Kim D và ông Nguyễn Duy P xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 14.09.2013 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 22.09.2015. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Ông Nguyễn Duy P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 14.09.2013 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 22.09.2015.

Bà Trần Thị Kim D cấp dưỡng nuôi 02 con chung/1 tháng/ mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (2.000.000 đồng/02 con chung/ 1 tháng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 04.2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày ông Nguyễn Duy P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Kim D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim D và ông Nguyễn Duy P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng bà Trần Thị Kim D phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003541 ngày 01.3.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Duyên đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP ĐN
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy